

Số: 311/TB-STNMT

Bình Dương, ngày 31 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Chi phí thiết bị CNTT” thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin “Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu dự phòng ngành tài nguyên và môi trường”

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 4156/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu dự phòng ngành tài nguyên và môi trường”;

Trên cơ sở Quyết định số 706/QĐ-STNMT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Chi phí thiết bị CNTT” thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin “Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu dự phòng ngành tài nguyên và môi trường”.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: “Chi phí thiết bị CNTT” thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin “Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu dự phòng ngành tài nguyên và môi trường” như sau:

I. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: 20210576418-00.
- Tên gói thầu: Chi phí thiết bị CNTT.
- Giá gói thầu: 3.554.877.683 đồng.
- Tên Bên mời thầu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày.



- Thời điểm hoàn thành đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu: 16/8/2021.

II. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Đơn vị trúng thầu: Công ty Cổ phần Công nghệ Gensys.
- Địa chỉ: 391A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giá trúng thầu: 3.518.200.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm mười tám triệu, hai trăm ngàn đồng*)(*đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí có liên quan và chi phí vận chuyển, lắp đặt*).

- Loại hợp đồng: trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày (bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thông tin về chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu (*Phụ lục đính kèm*).

III. Danh sách và nguyên nhân các nhà thầu không trúng thầu:

- Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên vận.
- Địa chỉ: 01 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Lý do không trúng thầu: Giá dự thầu của nhà thầu đề xuất cao hơn giá trúng thầu, cụ thể:

+ Giá dự thầu của nhà thầu đề xuất: 3.549.318.200 đồng

+ Giá trúng thầu: 3.518.200.000 đồng.

Sau khi nhận được Thông báo này đề nghị nhà thầu trúng thầu liên lạc Chủ đầu tư (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương) để hoàn thiện và ký hợp đồng trước ngày 18/8/2021./. *lu*

Nơi nhận:

- Các đơn vị tham gia đấu thầu;
- Phòng HC-TH;
- BGD Sở;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số 371/TB-STNMT ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

S T T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền	Thuế VAT	Tổng Thành Tiền (bao gồm thuế VAT)
1	Bộ khung máy chủ phiên	P06011-B21	1	Bộ	750.000.000	750.000.000	75.000.000	825.000.000
	HPE Synergy 12000 Configure-to-order Frame with 10x Fans		1					
	HPE Virtual Connect SE 100Gb F32 Module for Synergy		2					
	HPE 6x 2650W Performance Hot Plug Titanium Plus FIO Power Supply Kit		1					
	HPE Synergy Frame Rack Rail Kit		1					
	HPE Synergy Frame Link Module		1					
	HPE Synergy Frame 4x Lift Handles		1					
	HPE Synergy Composer2 Management Appliance		1					
	HPE C19 - C20 W/W 250V 16Amp 2.5m Jumper Cord		6					
	HPE 100Gb QSFP28 to QSFP28 3m Direct Attach Copper Cable		2					
	HPE 3Y Proactive Care 24x7 SVC		1					
	HPE Synergy Composer2 Support		1					
	HPE Synergy 1200 Frame Supp		1					
	HPE Synergy VC SE 100Gb F32 Module Supp		2					
	HPE Technical Installation Startup SVC		1					

[illegible]

	HPE 3PAR 8200 2N+SW Storage Base Support		1						
	HPE 3PAR 8000 1.8TB+SW 10K SFF HDD Supp		8						
	HPE 3PAR 8000 2/4pt 10Gb Adptr Supp		2						
4	Thiết bị lưu trữ dự phòng NAS Synology NAS RS3618xs : - CPU: Intel Xeon D-1521 quad-core 2.4GHz, Turbo Boost up to 2.7GHz - Hardware encryption engine: Yes (AES-NI) - Memory: 24GB DDR4-2133 ECC UDIMM (expandable up to 64GB) - Compatible drive type: 12 x 3.5" or 2.5" SATA SSD/HDD (drives not included) 192 TB (16 TB drive x 12) (Capacity may vary by RAID types) - External port: 2 x USB 3.0 port, 2 x Expansion port - PCIe 3.0 slot:- x8 slot x 2 (8-lane) - High-performance network interface card support	RS3618XS	1	Bộ	Taiwan	181.818.182	181.818.182	18.181.818	200.000.000
	12TB IronWolf NAS SATA 6Gb/s, 7200RPM, 256MB Cache, 210MB/s Data Rate		6						
	Railkit Sliding, sliding 1U & 2U		1						
5	Thiết bị chuyển mạch trung tâm HPE FlexFabric 5900AF 48G 4XG 2QSFP+ Switch HPE 58x0AF 650W AC Power Supply HPE 58x0AF 650W AC Power Supply PDU Cable ROW HPE X130 10G SFP+ LC SR Transceiver HPE FlexNetwork X240 40G QSFP+ QSFP+ 5m Direct Attach Copper Cable HPE 3Y Foundation Care NBD SVC HPE 5900AF-48 2QSFP Switch Support	JG510A	2	Bộ	China	180.000.000	360.000.000	36.000.000	396.000.000
			1						
			2						
			2						
			2						
			2						
			2						
			1						
			1						

10/5/2021

	HPE LC to LC Multi-mode OM3 2-Fiber 5.0m 1-Pack Fiber Optic Cable		2						
6	Bộ lưu điện	SRT8KRM XLI	1	Bộ	Philippine s	100.000.000	10.000.000	110.000.000	
	APC Smart-UPS SRT 8000VA RM 230V: On-Line, 8000 Watts /8000 VA, Input 230V /Output 230V, Interface Port Contact Closure, RJ-45 10/100 Base-T, RJ-45 Serial, Smart-Slot, USB, Extended runtime model								
7	Bản quyền phần mềm ảo hoá		1	Bản quyền	Vmware	260.000.000	-	260.000.000	
	VMware vSphere Standard 1 Processor 1yr Software	p9U40AAE	2						
	VMware vCenter Server Standard for vSphere (per Instance) 1yr E-LTU	BD710A	1						
8	Bản quyền phần mềm sao lưu và khôi phục dữ liệu,	P-VBRPLS- VS-PP000- 00	1	Bản quyền	Veam	130.000.000	-	130.000.000	
	Veeam Backup & Replication Enterprise Plus. 1 year of Production (24/7) Support is included. Public Sector.		2						
TỔNG CỘNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA ĐÃ BAO GỒM THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ (NẾU CÓ)						3.233.818.182	284.381.818	3.518.200.000	

